

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÙNG KHÁNH
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/HNGĐ-ST

Ngày 12 /5/2022

V/v: *Xin ly hôn.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông La Văn Viên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phương Văn Tư và bà Nguyễn Thị Minh Tâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Thu Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 08/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022 về việc "*Xin ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10 /2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/4/2022, Quyết định hoãn số 03B/2022 ngày 19/4/2022, Thông báo mở Phiên tòa số 12/TB-TA ngày 29/4/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lương Thị Y, sinh năm 1986.

Trú tại: xóm Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng (*Có mặt*).

- Bị đơn: Anh Mạc Văn D, sinh năm 1979.

Trú tại: xóm Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/02/2022 và trong quá trình xét xử nguyên đơn Lương Thị Y trình bày:*

Chị Lương Thị Y và anh Mạc Văn D kết hôn vào năm 2005, việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện đến với nhau và tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng ngày 03/12/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau và có 01 con chung là Mạc Anh T, sinh ngày 13/4/2008 hiện nay con sống chung với hai vợ chồng. Quá trình sống chung hai vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn mặc dù đã được hai bên

gia đình và bản thân khuyên bảo nhưng anh D không nghe, suốt ngày rượu chè bê tha không quan tâm đến vợ con. Vì thế chị Y cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích của hôn nhân không đạt được và không còn hạnh phúc nên chị Y quyết định ly hôn để giải phóng cho nhau khỏi sự ràng buộc. Tình cảm vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 đến nay, đến tháng 02 năm 2022 chị Y đã bỏ về quê mẹ để ở tại xóm B.S, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị Y mong Tòa giải quyết cho ly hôn với anh Mạc Văn D.

- Về con chung: Hiện nay đang sống chung cả 02 vợ chồng. Sau khi ly hôn, chị Y có nguyện vọng mong muốn được trực tiếp nuôi con chung không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: có một ngôi nhà cấp 4 có diện tích là 96 m² tại Đ, Đ, T, Cao Bằng chị Y không yêu cầu chia mà để lại cho con.

Ngoài ra còn một số tài sản đồ dùng trong gia đình gồm: Tivi, tủ lạnh, máy giặt, máy lọc nước, xe máy, xe đạp điện, tủ, giường, bếp ga, bàn ghế và các đồ dùng khác trong gia đình chị Yêu không yêu cầu chia mà để lại cho anh Mạc Văn D quản lý và sử dụng.

** Trong quá trình giải quyết vụ án anh Mạc Văn D trình bày:*

Về thời gian sống chung, kết hôn và con chung và tài sản chung như chị Yêu trình bày là đúng. Quá trình chung sống đôi khi có mâu thuẫn, cãi vã nhưng không đến mức trầm trọng và không có đánh đập, sử dụng bạo lực. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay chị Y yêu cầu ly hôn anh không đồng ý. Ngoài ra, anh không có ý kiến gì thêm.

** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của chị Lương Thị Y được ly hôn với anh Mạc Văn D; về con chung: giao cháu Mạc Anh T sinh ngày 13/4/2008 cho chị Lương Thị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành; Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Mạc Văn D. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Y không yêu cầu chia nên không xem xét, giải quyết; Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử

dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc chị Y phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định phát luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định các vấn đề cần giải quyết như sau:

[1]. *Về thẩm quyền:* Bị đơn Mạc Văn D có hộ khẩu thường trú: Xóm Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

[2]. *Về tố tụng:* Bị đơn Mạc Văn D đã được triệu tập hai lần mà vẫn vắng mặt. Xét thấy đã có lời khai trong hồ sơ và việc vắng mặt của bị đơn không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. *Về quan hệ tranh chấp:* Chị Lương Thị Y yêu cầu được ly hôn anh Mạc Văn D, được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng, các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đây là quan hệ Ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lương Thị Y và anh Mạc Văn D sau thời gian tìm hiểu thì tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào năm 2005. Sau đó tiến hành đăng ký kết hôn ngày 03/12/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Việc đăng ký là tự nguyện, đúng theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000. Như vậy, việc kết hôn giữa chị Y và anh D là hợp pháp và quan hệ vợ chồng được công nhận từ ngày đi đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng sống bình thường và có với nhau 01 đứa con chung. Tuy nhiên, sau đó giữa hai vợ chồng bắt đầu quan điểm nên cuộc sống không được hòa thuận, hạnh phúc; anh D không chịu tu chí làm ăn, lười lao động và rượu chè bê tha không quan tâm đến vợ con. Xong 02 vợ chồng cũng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay đã được 06 năm, hiện nay chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở tại xóm B.S, xã Đ, huyện T. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Y và anh D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị Y là có căn cứ nên cần được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Tại biên bản xác minh ngày 05/5/2022 trưởng xóm Đ cho biết gia đình anh D và chị Y không có mâu thuẫn gì nghiêm trọng. Tuy nhiên anh Mạc Văn D cũng thường xuyên hay đi uống rượu, không thực sự quan tâm đến vợ con.

Hội đồng xét xử thấy rằng qua đó cũng thể hiện anh Mạc Văn D thường xuyên rượu chè không quan tâm đến vợ con và đã ly thân được 06 năm nên chị Y làm đơn ly hôn là có căn cứ cần được chấp nhận.

[5]. *Về con chung*: Giữa chị Y và anh D có 01 con chung tên Mạc Anh T, sinh ngày 13/4/2008. Sau khi ly hôn, chị Y có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay anh D thường xuyên rượu chè, không quan tâm con cái, không có điều kiện để trực tiếp nuôi con, nên cần giao con chung cho chị Y chăm sóc, nuôi dưỡng và chị Y không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh D.

Tại đơn trình bày nguyện vọng ngày 28/02/2022 của cháu Mạc Anh T. Nếu bố mẹ ly hôn cháu muốn được ở với mẹ, vì mẹ có điều kiện chăm sóc cháu nhiều hơn, bố hay uống rượu say về chửi mẹ con không quan tâm đến cháu. Nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu T cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp.

[6]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Có một ngôi nhà cấp 4 có diện tích là 96 m² tại Đ, Đàm Thủy, T, Cao Bằng chị Y không yêu cầu chia mà để lại cho con.

Ngoài ra còn một số tài sản đồ dùng trong gia đình gồm: Tivi, tủ lạnh, máy giặt, máy lọc nước, xe máy, xe đạp điện, tủ, giường, bếp ga, bàn ghế và các đồ dùng khác trong gia đình chị Y không yêu cầu chia mà để lại cho anh Mạc Văn D quản lý và sử dụng.

[7]. *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Y phải chịu án phí dân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. *Về quyền kháng cáo*: Chị Y và anh D được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lương Thị Y và anh Mạc Văn D.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Mạc Anh T, sinh ngày 13/4/2008 cho chị Lương Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh D.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản: Các bên đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Lương Thị Y phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng sung vào công quỹ Nhà nước.

Xác nhận chị Y đã nộp 300.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí số: 0004115 ngày 14/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Y có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Mạc Văn D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA
- Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Trùng Khánh
- UBND xã Đ,
- huyện Trùng Khánh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Trùng Khánh;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

La Văn Viên